

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH
Số: 580 /2024/QĐ-GDU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại
trình độ Đại học - Mã ngành 7340121

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 31/07/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học tư thục Công nghệ - Thông tin Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 20/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học tư thục Công nghệ - Thông tin Gia Định thành Trường Đại học Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/10/2016 về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 186/2023/GDU/QĐ-HĐT ngày 29/9/2023 của Hội đồng Trường Đại học Gia Định về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định;

Căn cứ Biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo chuẩn đầu ra và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo Trường Đại học Gia Định;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Quản lý khoa học và Trưởng khoa Khoa Kinh tế - Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh thương mại trình độ Đại học - Mã ngành 7340121”.

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo và Quản lý khoa học, Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị, Trưởng các Khoa, Bộ môn; Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐT&QLKH.



Thái Bá Cẩn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

NGÀNH: KINH DOANH THƯƠNG MẠI

KHÓA 18/2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 580/2024/QĐ-GDU ngày 28 tháng 05 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia định)

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 05 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Ngành: KINH DOANH THƯƠNG MẠI
Khóa K18/2024

I. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.1	Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt)	KINH DOANH THƯƠNG MẠI
	Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh)	COMMERCIAL BUSINESS
1.2	Mã ngành đào tạo	7340121
1.3	Hình thức đào tạo	Chính quy
1.4	Thời gian đào tạo chuẩn	8 học kỳ
1.5	Đối tượng tuyển sinh	Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.
1.6	Số tín chỉ người học phải tích lũy	120
1.7	CTĐT được tham chiếu đối sánh khi xây dựng chương trình đào tạo	1/ Đại học kinh tế TP HCM 2/ Đại học kinh tế quốc dân 3/ Đại học Đà Nẵng 4/ Monash University – Australia 5/ The university of Melbourne – Australia 6/ Queen's University - Canada
1.8	Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	Đã kiểm định cấp cơ sở theo QĐ số 138/QĐ-KĐCLGD ngày 24/5/2021
1.9	Khoa quản lý CTĐT	Khoa Kinh tế - Quản trị

II. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

2.1. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số của nền kinh tế.

2.2. Tầm nhìn

Trở thành đại học đại chúng hàng đầu Việt Nam.

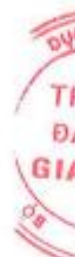
2.3 Triết lý giáo dục

“Chọn lọc - Ứng dụng – Đại chúng”

III. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

Chương trình đào tạo trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết về chính trị, luật pháp, xã hội, tự nhiên, tin học, ngoại ngữ và chuyên môn để người học hình thành và phát triển các năng lực, ý tưởng, xây dựng kế hoạch, triển khai, tổ chức, điều hành và đánh giá các hoạt động kinh doanh thương mại.



Cung cấp các kiến thức nền tảng về đổi mới sáng tạo, kỹ năng, công cụ cơ bản để hình thành các ý tưởng khởi nghiệp, phát triển dự án kinh doanh dựa trên những thế mạnh của bản thân và quan sát nhu cầu thị trường, hình thành tư duy đúng đắn và sáng tạo.

Đào tạo những cá nhân xuất sắc, có kiến thức, năng lực cao trong lĩnh vực chuyên môn và đam mê đóng góp để cải thiện bản thân cũng như xã hội, truyền cảm hứng cho cộng đồng, trở thành những công dân toàn cầu tương lai và tác động tích cực đến sự phát triển đất nước.

Cung cấp các cơ hội để người học hình thành và phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, giao tiếp để có thể hội nhập với xã hội, quốc tế và định hướng tương lai.

- **Mục tiêu về kiến thức:**

Cung cấp kiến thức về chính trị, văn hoá, pháp luật, khoa học, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, môi trường, xã hội, con người để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu của một công dân số.

Cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh doanh thương mại và vận dụng vào công việc chuyên môn, công tác quản trị, tổ chức hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tạo mối quan hệ khách hàng thường xuyên, lâu dài, ngày càng nâng cao uy tín doanh nghiệp,

Cung cấp kiến thức về ngoại ngữ, công nghệ thông tin để phục vụ công việc trong kinh doanh nội địa và quốc tế phù hợp xu thế phát triển công nghệ và hội nhập quốc tế trong tương lai.

Cung cấp kiến thức và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, đóng góp nhiều cho xã hội, phấn đấu trở thành công dân số, công dân toàn cầu.

- **Mục tiêu về kỹ năng:**

Sử dụng thành thạo kỹ năng về công nghệ thông tin, ngoại ngữ và kỹ năng mềm khi thực hiện các hoạt động kinh doanh thương mại

Vận dụng tốt tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong các bối cảnh đa dạng.

Sử dụng thành thạo các công cụ tác nghiệp để phục vụ khách hàng,

Thực hiện tốt kỹ năng khảo sát, phát hiện xu hướng mới trong kinh doanh.

- **Mục tiêu về Mức tự chủ và trách nhiệm**

Rèn luyện cho người học phẩm chất, ý thức tự chủ, làm việc độc lập, làm việc nhóm; Định hướng tương lai rõ ràng, có tinh thần khởi nghiệp và ý thức học hỏi, tiếp thu sáng tạo, có chọn lọc với cái mới; Tuân thủ pháp luật, giữ gìn đạo đức, bảo vệ đất nước, có trách nhiệm với bản thân, đơn vị và xã hội

Mục tiêu cụ thể	Mô tả
Kiến thức	
PO1	Cung cấp kiến thức về chính trị, văn hoá, pháp luật, khoa học, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, môi trường, xã hội, con người để phục vụ cho sự phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu của một công dân số.

Mục tiêu cụ thể	Mô tả
PO2	Hiểu biết và vận dụng các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh doanh thương mại vào công việc chuyên môn, công tác quản trị, tổ chức hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tạo mối quan hệ khách hàng thường xuyên, lâu dài, ngày càng nâng cao uy tín đơn vị. Cung cấp kiến thức về ngoại ngữ, công nghệ thông tin để phục vụ kinh doanh nội địa, quốc tế phù hợp xu thế phát triển của công nghệ và hội nhập quốc tế trong tương lai. Cung cấp kiến thức và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, đóng góp nhiều cho xã hội, phấn đấu trở thành công dân số, công dân toàn cầu.
Kỹ năng	
PO3	Người học được đào tạo để thành thạo kỹ năng về công nghệ thông tin, ngoại ngữ và kỹ năng mềm khi thực hiện các hoạt động kinh doanh.
PO4	Vận dụng tốt tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong các bối cảnh đa dạng. Sử dụng thành thạo các công cụ tác nghiệp để phục vụ khách hàng. Thực hiện tốt kỹ năng khảo sát, phát hiện xu hướng mới trong kinh doanh.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
PO5	Có phẩm chất, ý thức tự chủ, làm việc độc lập, làm việc nhóm. Định hướng tương lai rõ ràng, có tinh thần khởi nghiệp và ý thức học hỏi, tiếp thu sáng tạo, có chọn lọc với cái mới.
PO6	Có Khả năng giao tiếp, tổ chức thực hiện công việc hiệu quả. Tuân thủ pháp luật, giữ gìn đạo đức bảo vệ đất nước, có trách nhiệm với bản thân, đơn vị và xã hội.

3.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mô tả
Kiến thức	
PLO1	Nắm vững và vận dụng kiến thức về chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, môi trường, pháp lý và đạo đức để có tác động tích cực đến cá nhân, tổ chức và xã hội, hình thành ý tưởng khởi nghiệp, đáp ứng yêu cầu của một công dân số.
PLO2	Nắm vững kiến thức cơ sở ngành kinh doanh thương mại.
PLO3	Nắm vững và vận dụng tốt kiến thức cơ bản, chuyên sâu ngành kinh doanh thương mại.
PLO4	Vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên môn ngành vào thực tiễn hoạt động kinh doanh thương mại.
Kỹ năng	
PLO5	Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và tương đương để phục vụ hoạt động kinh doanh nội địa, kinh doanh quốc tế.

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mô tả
PLO6	Vận dụng kỹ năng mềm trong học tập, làm việc nhóm và làm việc độc lập cũng như trong giải quyết công việc có hiệu quả.
PLO7	Có kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh thương mại một cách linh hoạt, sáng tạo.
PLO8	Có kỹ năng tư duy phản biện, thuyết phục được đối tác.
PLO9	Có kỹ năng kiểm tra, đánh giá chuyên môn trong kinh doanh thương mại.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
PLO10	Có phẩm chất đạo đức, ý thức tự chủ, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, có ý thức trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
PLO11	Định hướng tương lai rõ ràng, có tinh thần khởi nghiệp và ý thức học hỏi, tiếp thu sáng tạo, có chọn lọc với cái mới.
PLO12	Thể hiện ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng.

3.3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12						
1.	Cung cấp kiến thức về chính trị, văn hoá, pháp luật, khoa học, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, môi trường, xã hội, con người để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu của một công dân số.	X	X																
2.	Vận dụng các kiến thức về kinh doanh thương mại vào công việc chuyên môn, công tác quản trị, tổ chức hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tạo mối quan hệ khách hàng thường xuyên, lâu dài, ngày càng nâng cao uy tín đơn vị, cung cấp kiến thức về ngoại ngữ, công nghệ thông tin để phục vụ kinh doanh nội địa, quốc tế phù hợp với xu thế phát triển công nghệ và hội nhập quốc tế trong tương lai, Cung cấp kiến thức và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, đóng góp nhiều cho xã hội, phấn đấu trở thành công dân số, công dân toàn cầu.																		

TT	Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3.	Người học được đào tạo để thành thạo kỹ năng về công nghệ thông tin, ngoại ngữ và kỹ năng mềm khi thực hiện các hoạt động kinh doanh.					X	X						
4.	Vận dụng tốt tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong các bối cảnh đa dạng. Sử dụng thành thạo các công cụ tác nghiệp để phục vụ khách hàng. Thực hiện tốt kỹ năng khảo sát, phát hiện xu hướng mới trong kinh doanh.							X	X	X			
5.	Có phẩm chất, ý thức tự chủ, làm việc độc lập, làm việc nhóm. Định hướng tương lai rõ ràng, có tinh thần khởi nghiệp và ý thức học hỏi, tiếp thu sáng tạo, có chọn lọc với cái mới.										X	X	
6.	Có khả năng giao tiếp, tổ chức thực hiện công việc hiệu quả. Tuân thủ pháp luật, giữ gìn đạo đức, bảo vệ đất nước, có tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, đơn vị và xã hội.										X	X	X

Ghi chú: Đánh dấu (X) vào ô tương ứng

3.4. Vị trí việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

3.4.1 Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Chuyên viên hoạt động trong các doanh nghiệp kinh doanh nội địa, kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh quốc tế.
- Chuyên viên các bộ phận, phòng trong sở, ban ngành có quản lý nhà nước về kinh doanh thương mại.
- Giảng viên về kinh doanh thương mại trong trường nghề, trường cao đẳng, trung cấp.
- Chuyên viên tổ chức và phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

3.4.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp thu tốt các khoá học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.
- Tiếp tục học lên bậc cao học

3.5. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi:

- Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định bởi Quy chế đào tạo đại hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Gia Định
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh;
- Có kết quả đạt môn Giáo dục thể chất;
- Có đơn đề nghị xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp trước hạn hoặc trễ hạn so với thời gian thiết kế của khóa học.
- Đáp ứng điều kiện về ngoại ngữ, tin học theo quy định của Trường Đại học Gia Định.

IV. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Tổng số TC	Số TC bắt buộc và tự chọn	
			Bắt buộc	Tự chọn
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương	44	44	-
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	76		
1.	Kiến thức cơ sở ngành	21	18	3
2.	Kiến thức ngành	27	21	6
3.	Kiến thức chuyên ngành/ngành nâng cao	18	12	6
4.	Thực tập tốt nghiệp	10	10	-
	Tổng số	120	105	15

4.2. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức			Bắt buộc/ Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học sau học phần
			Số TC	LT	TH			
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương (44 TC)								
1.1. Lý luận chính trị								
1	00113018	Triết học Mác Lênin	3	3	0	BB		
2	00112006	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	2	0	BB		
3	00112001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	BB		
4	00112021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	BB		
5	00112008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	BB		
1.2. Khoa học xã hội								
6	00113010	Pháp luật đại cương	3	3	0	BB		
1.3. Giáo dục thể chất (không tích lũy)								
			3	0	3			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức			Bắt buộc/ Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học sau học phần
			Số TC	LT	TH			
7	00113005	Giáo dục thể chất	3	0	3	BB		
1.4. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)			8	0	8			
8	00118004	Giáo dục quốc phòng	8	0	8	BB		
1.5. Ngoại ngữ - Tin học			18	12	6			
9	00113014	Tiếng Anh 1	3	2	1	BB		
10	00113015	Tiếng Anh 2	3	2	1	BB		00113014
11	00113016	Tiếng Anh 3	3	2	1	BB		00113015
12	00113021	Tiếng Anh 4	3	2	1	BB		00113016
13	00113022	Tiếng Anh 5	3	2	1	BB		00113021
14	00113023	Khoa học máy tính và chuyển đổi số	3	2	1	BB		
1.6. Kiến thức đại cương theo khối ngành (kiến thức cơ bản của khối ngành)			12	11	1			
Học phần bắt buộc			12	11	1			
15	00113024	Toán cao cấp	3	3	0	BB		
16	17113016	Kinh tế vi mô	3	3	0	BB		
17	17113017	Kinh tế vĩ mô	3	3	0	BB		17113016
18	00113007	Kỹ năng mềm	3	2	1	BB		
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			76					
2.1 Kiến thức cơ sở ngành			21	14	7			
Học phần bắt buộc			18	12	6			
19	12113040	Quản trị học	3	2	1	BB		
20	11113016	Nguyên lý kế toán	3	2	1	BB		
21	11113017	Nguyên lý tài chính	3	2	1	BB		
22	11113015	Marketing căn bản	3	2	1	BB		
23	11113031	Tin học ứng dụng trong quản lý	3	2	1	BB		
24	08113024	Thương mại điện tử	3	2	1	BB		
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần)			3	2	1			
25	11113014	Lý thuyết xác suất thống kê	3	2	1	TC		
26	11113034	Văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp	3	3		TC		
27	11113026	Thị trường chứng khoán	3	2	1	TC		
28	16113008	Nghệ thuật lãnh đạo	3	2	1	TC		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức			Bắt buộc/ Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học sau học phần
			Số TC	LT	TH			
2.2. Kiến thức ngành			27	18	9			
Học phần bắt buộc			21	14	7			
29	24113005	Chiến lược kinh doanh	3	2	1	BB		12113040
30	24113004	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3	2	1	BB		12113040
31	16113007	Luật áp dụng trong thương mại	3	2	1	BB		
32	24113003	Marketing thương mại	3	2	1	BB		11113015
33	08113007	Kinh doanh quốc tế	3	2	1	BB		
34	11113035	Thuế và ra quyết định tài chính	3	2	1	BB		
35	24113002	Tiến Anh chuyên ngành Thương mại	3	2	1	BB		
Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)			6	4	2			
36	05113024	Quản trị chiến lược	3	2	1	TC		12113040
37	05113057	Thương thuyết và đàm phán	3	2	1	TC		00113007
38	23113002	Tâm lý khách hàng	3	2	1	TC		00113007
39	08113029	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	2	1	TC		00113024
2.3. Kiến thức chuyên ngành/ngành nâng cao (đối với các ngành không có chuyên ngành)			18	8	10			
Học phần bắt buộc			12	8	4			
40	08113018	Quản trị quan hệ khách hàng	3	2	1	BB		12113040
41	24113001	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	2	1	BB		08113024
42	05113017	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	2	1	BB		11113016
43	03113044	Khởi nghiệp	3	2	1	BB		
Học phần tự chọn (chọn Học kỳ doanh nghiệp 1 hoặc 2/4 Học phần tự chọn)			6	0	6			
44	23116001	Học kỳ doanh nghiệp 1	6	0	6	TC		
45	08113034	Xúc tiến thương mại và đầu tư quốc tế	3	2	1	TC		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức			Bắt buộc/ Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học sau học phần
			Số TC	LT	TH			
46	06113015	Quản trị thương hiệu	3	2	1	TC		12113040
47	05113034	Quản trị rủi ro	3	2	1	TC		12113040
48	08113012	Môi trường kinh doanh toàn cầu	3	2	1	TC		
2.4. Học kỳ doanh nghiệp 2			10	0	10	BB		
49	23114001	Học kỳ doanh nghiệp 2	4	0	4	BB		
Chọn Khóa luận tốt nghiệp hoặc 02 môn học thay thế			6	0	6			
50	23116002	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	BB		
51	05113022	Quản trị bán hàng	3	2	1	BB		12113040
52	23113001	Giao tiếp trong kinh doanh thương mại	3	2	1	BB		
Tổng cộng			120	77	43			

Ghi chú: Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và chuẩn đầu ra Tin học, Ngoại ngữ.

V. Ma trận thể hiện sự đóng góp các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (đánh dấu (x) vào ô tương ứng).

TT	Tên học phần (Liệt kê tất cả các HP trong CTĐT)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.	Triết học Mác Lênin	X											
2.	Kinh tế chính trị Mác Lênin	X											
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X											
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X									X	X	X
5.	Lịch sử Đảng CSVN	X									X	X	X
6.	Pháp luật đại cương	X									X	X	X
7.	Giáo dục thể chất	X											
8.	Giáo dục quốc phòng	X									X	X	X
9.	Tiếng Anh 1	X				X							
10.	Tiếng Anh 2	X				X							
11.	Tiếng Anh 3	X				X							
12.	Tiếng Anh 4	X				X							
13.	Tiếng Anh 5	X				X							

NG
OC
INI

TT	Tên học phần (Liệt kê tất cả các HP trong CTĐT)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
14.	Khoa học máy tính và chuyển đổi số		X	X	X								
15.	Toán cao cấp	X	X										
16.	Kinh tế vi mô		X	X									
17.	Kinh tế vĩ mô		X	X									
18.	Kỹ năng mềm						X	X	X	X	X	X	X
19.	Quản trị học		X	X									
20.	Nguyên lý kế toán		X	X									
21.	Nguyên lý tài chính		X	X									
22.	Marketing căn bản		X	X									
23.	Tin học ứng dụng trong quản lý					X	X	X	X	X			
24.	Thương mại điện tử		X	X		X	X	X	X	X			
25.	Lý thuyết xác suất thống kê		X	X			X						
26.	Văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp		X	X			X	X			X	X	
27.	Thị trường chứng khoán		X	X			X	X					
28.	Nghệ thuật lãnh đạo												
29.	Chiến lược kinh doanh		X	X			X	X	X	X			
30.	Quản trị doanh nghiệp thương mại		X	X			X	X	X	X			
31.	Luật áp dụng trong thương mại		X	X	X		X	X	X				
32.	Marketing thương mại		X	X	X		X	X	X	X			
33.	Kinh doanh quốc tế		X	X	X		X	X	X	X			
34.	Thuế và ra quyết định tài chính		X	X	X		X	X	X	X			
35.	Tiếng Anh chuyên ngành Thương mại		X	X	X		X	X	X	X			
36.	Quản trị chiến lược		X	X	X		X	X	X				
37.	Thương thuyết và đàm phán		X	X			X	X	X				
38.	Tâm lý khách hàng		X	X	X		X	X	X				
39.	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh		X	X	X		X	X	X				
40.	Quản trị quan hệ khách hàng		X	X	X		X	X	X	X			

TT	Tên học phần (Liệt kê tất cả các HP trong CTĐT)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		X	X	X		X	X	X	X			
42.	Phân tích hoạt động kinh doanh		X	X	X		X	X	X	X			
43.	Khởi nghiệp		X	X	X		X	X	X	X			
44.	Học kỳ DN 1					X	X	X	X	X	X	X	X
45.	Học kỳ doanh nghiệp 2						X	X	X	X	X	X	X
46.	Xúc tiến thương mại và đầu tư quốc tế		X	X	X	X	X		X				
47.	Quản trị thương hiệu		X	X			X	X	X				
48.	Quản trị rủi ro		X	X	X		X	X	X				
49.	Môi trường kinh doanh toàn cầu		X	X	X		X	X	X				
50.	Khóa luận tốt nghiệp		X	X	X		X	X	X	X			
51.	Quản trị bán hàng		X	X	X		X	X	X	X			
52.	Giao tiếp trong kinh doanh thương mại		X	X	X		X	X	X	X			

VI. Phương thức giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được thể kế cho chương trình đào tạo nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Phương pháp giảng dạy và học tập được áp dụng đa dạng nhằm giúp người học đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Phương pháp giảng dạy và học tập gồm các nhóm lớn: dạy học trực tiếp; dạy học online; dạy dựa vào hoạt động trải nghiệm; dạy dựa vào nghệ thuật; dạy dựa vào kỹ năng tư duy; dạy học tương tác; dạy học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, dạy học dựa vào công nghệ và tự học.

Việc áp dụng đa dạng các phương pháp dạy và học khác nhau nhằm giúp cho người học không những có kiến thức nền tảng chuyên môn và kiến thức xã hội mà còn có khả năng sử dụng kiến thức để cộng tác với người khác cùng phát triển năng lực. Các phương pháp giảng dạy và học tập được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

6.1. Phương pháp dạy học trực tiếp

Phương pháp dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó có các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Phương pháp này thường được áp dụng với các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho những người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy này theo chương trình đào tạo áp dụng với các phương pháp sau:

+ **Giải thích cụ thể:** Giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp người học đạt được mục tiêu dạy học, kiến thức và kỹ năng.

+ **Thuyết giảng:** Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

+ **Tham luận:** Người học được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những trao đổi chia sẻ kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về ngành, chuyên ngành đào tạo

+ **Câu hỏi gợi mở:** Giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết vấn đề đặt ra.

6.2. Phương pháp dạy học dựa vào hoạt động trải nghiệm

Phương pháp dạy học dựa vào hoạt động trải nghiệm là khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành. Điều này, thúc đẩy người học khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy cụ thể được chương trình áp dụng gồm:

+ **Trò chơi:** Giảng viên tổ chức cho người học tìm hiểu một vấn đề hay thể nghiệm những hành động, những thái độ, những việc làm thông qua một trò chơi nào đó với một bộ quy tắc rõ ràng. Thông qua trò chơi, người học tiếp cận kiến thức một cách cạnh tranh và hợp tác với những người học cùng, giúp người học nhận ra quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đối với bản thân và của những bạn học cùng tham gia trò chơi.

+ **Thực tập, thực tế:** Giảng viên tạo điều kiện cho người học áp dụng lý thuyết, các kiến thức đã học vào thực tiễn và hoạt động rèn luyện kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ thông qua việc tham quan, kiến tập, thực tập... tại các Doanh nghiệp, Công ty logistics hoặc các cơ sở thực tế khác. Qua đó, người học củng cố được kiến thức và rèn luyện kỹ năng, thái độ của người học trong suốt quá trình đào tạo.

+ **Tranh luận:** Giảng viên tổ chức cho người học thảo luận và tranh cãi về một vấn đề mà có ít nhất là hai quan điểm trái ngược nhau. Người học ở 1 nhóm chung quan điểm cùng nhau thảo luận, phân tích để biện hộ cho ý kiến của nhóm mình, hoặc dùng tư duy phản biện phân tích vấn đề và trả lời câu hỏi, đối đáp với nhóm đối lập.

+ **Thảo luận:** Giảng viên nêu ra các vấn đề học tập, tổ chức đối thoại, trao đổi ý kiến giữa giảng viên và người học, đề nghị và cho phép người học bày tỏ những kinh nghiệm của mình, chia sẻ ý tưởng với nhau, cùng nhau tìm lời giải đáp. Thông qua thảo luận, người học rèn luyện tính thân hợp tác, phát triển được khả năng lắng nghe, hiểu, tổng hợp và phân tích; từ đó, khám phá sự đa dạng của vấn đề, nhận thức về sự tồn tại của các cách nhìn nhận khác nhau trong kỹ nguyên của khám phá tri thức.

6.3. Phương pháp dạy học dựa vào nghệ thuật

Phương pháp dạy học dựa vào nghệ thuật là việc áp dụng nghệ thuật vào việc dạy học, kích thích trí tưởng tượng, sự sáng tạo của người học, đồng thời phát triển cảm xúc, các kỹ năng cần thiết khi

hành nghề Logistics và quản lý chuỗi cung ứng viên hoặc hoạt động trong Doanh nghiệp, Công ty, các đơn vị hành chính sự nghiệp như kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, suy nghĩ phê phán và tư duy phân biện.

+ **Đóng vai:** Giảng viên tổ chức cho người học thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Người học được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường học đường trước khi thực hành trong thực tiễn; gây hứng thú và chú ý cho người học; tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của người học, kích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của người học theo chuẩn mực hành vi đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp. Phương pháp này có thể giúp đạt được chuẩn đầu ra theo tiêu chuẩn CDIO như: Tư duy suy xét, phân biện (critical thinking); nhận biết về kiến thức, kỹ năng và thái độ cá nhân của bản thân.

6.4. Phương pháp dạy kỹ năng tư duy

Phương pháp dạy kỹ năng tư duy là việc dạy cho người học cách thức suy nghĩ, lập luận, phân tích một cách logic của người hành nghề Logistics và quản lý chuỗi cung ứng viên (hay bất kỳ những người nào làm việc trong ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng) để tìm ra giải pháp hiệu quả cho một vấn đề pháp lý cụ thể.

+ **Giải quyết vấn đề:** cung cấp cho người học kỹ năng tư duy xác định chính xác vấn đề và định hướng giải quyết vấn đề theo đúng yêu cầu cần thiết cho vấn đề pháp lý cụ thể; người học vừa nắm được tri thức, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội tri thức, phát triển tư duy tích cực, tích lũy được năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện kịp thời và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

+ **Hoạt động tư duy tìm ý tưởng:** hướng dẫn người học trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó, liên tục đặt ra những câu hỏi để làm rõ vấn đề pháp lý đặt ra và có được giải pháp giải quyết vấn đề.

6.5. Phương pháp dạy học tương tác

Phương pháp dạy học tương tác là chiến lược dạy học hướng vào người học, giảng viên chỉ là người tổ chức môi trường học tập và hỗ trợ, tư vấn cho người học; trong quá trình dạy học, diễn ra các hoạt động tương tác đa dạng được tổ chức phù hợp, đòi hỏi tích tích cực và tự lực cao của người học.

+ **Học nhóm:** Giảng viên chia người học của một lớp học thành các nhóm nhỏ, trong một khoảng thời gian nhất định, mỗi nhóm tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc nhóm. Kết quả làm việc của nhóm sẽ được trình bày và đánh giá trước toàn lớp. Phương pháp học nhóm giúp người học phát huy được tính tích cực, nâng cao tính trách nhiệm, phát triển kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp của người học

6.6. Phương pháp giảng dạy theo hướng nghiên cứu – Giảng dạy

Phương pháp giảng dạy theo hướng nghiên cứu – giảng dạy khuyến khích người học xác định vấn đề, đặt ra các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết vấn đề một cách có hiệu quả hoặc đưa ra kết luận dựa trên những bằng chứng thu thập được qua hoạt động

nghiên cứu. Các phương pháp giảng dạy theo hướng nghiên cứu – giảng dạy được chương trình Luật áp dụng thường gồm:

+ **Nghiên cứu độc lập:** giảng viên hướng dẫn người học phát triển khả năng lập kế hoạch, tổ chức, nghiên cứu chủ đề một cách độc lập. Từ đó, phát triển mức độ tư duy và tăng cường động lực học tích cực của người học.

+ **Dự án nghiên cứu:** người học nghiên cứu một vấn đề, một chủ đề nào đó và viết báo cáo, viết kết luận.

+ **Trợ giảng và hỗ trợ học thuật:** người học tham gia hỗ trợ giảng viên trong các buổi học; hoặc tham gia các câu lạc bộ học thuật, các diễn đàn học thuật, các sân chơi pháp lý do Khoa và Trường tổ chức.

6.7. Phương pháp dạy học dựa vào công nghệ

Phương pháp dạy học dựa vào công nghệ là chiến lược sử dụng công nghệ hiện đại vào môi trường học tập, giúp cho quá trình giảng dạy sinh động, hiệu quả và tích cực hơn.

E-learning: là phương pháp giảng viên và người học dạy sử dụng các công cụ trực tuyến để hỗ trợ cho quá trình giảng dạy và học tập

6.8. Phương pháp tự học

Người học tiếp nhận và lưu giữ thông tin từ giảng viên và tự mình nghiên cứu, suy nghĩ sử dụng các năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp...), chuyển hóa thành sản phẩm trí tuệ của bản thân. Hoạt động tự học tạo điều kiện cho người học hiểu sâu tri thức, mở rộng kiến thức, củng cố ghi nhớ vững chắc tri thức, biết vận dụng tri thức vào giải quyết các nhiệm vụ học tập.

Bài tập ở Nhà: Giảng viên đưa, giao cho người học các bài tập, nhiệm vụ đa dạng để người học làm việc ở nhà. Thông qua việc giải quyết nhiệm vụ đặt ra, người học tăng cường được năng lực tự học, tích lũy nhiều kiến thức, rèn luyện và phát triển được kỹ năng như yêu cầu của giảng viên.

6.9. Phương pháp dạy học theo trường hợp điển hình (case study):

Giảng viên đưa ra các tình huống ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, các sự kiện, vụ việc thực tế có tính điển hình để người học phân tích, tìm hiểu nguyên nhân, kết quả và phương thức giải quyết... từ đó rút ra các kết luận, những tri thức có ích.

VII. Phương pháp đánh giá người học

7.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, liên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá được thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm: người dạy; người học; phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, Nhà trường, Khoa, cố vấn học tập, giảng viên giảng dạy có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.



Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo được chia làm 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của từng học phần

- **Đánh giá theo tiến trình**

Đánh giá theo tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể gồm: đánh giá chuyên cần; đánh giá bài tập; làm việc nhóm và thuyết trình

+ **Đánh giá chuyên cần:** Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên lớp, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp người học tiếp nhận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp.

+ **Đánh giá bài tập:** Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này được thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể tùy giảng viên quy định nhưng không chiếm quá 10% tỷ trọng đánh giá quá trình.

+ **Làm việc nhóm:** Người học làm các bài tập thực hành nhóm hoặc làm báo cáo nhóm theo các chủ đề do giảng viên phân công hoặc chủ đề người học tự chọn có sự đồng ý của giảng viên dựa trên nội dung trong chương trình học. Hình thức đánh giá được quy định theo đặc trưng từng học phần và không chiếm quá 10% tỷ trọng đánh giá quá trình.

+ **Đánh giá thuyết trình:** Trong một số học phần, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp; thương lượng; thuyết trình; làm việc nhóm.

+ **Kiểm tra vấn đáp:** Đối với các học phần ngoại ngữ liên quan đến kỹ năng nói, người học thực hiện bài kiểm tra vấn đáp với các giảng viên dựa trên các chủ đề đã được học trong học phần.

- **Đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ)**

Mục tiêu của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm: đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ. Các phương pháp đánh giá được sử dụng của loại này bao gồm:

+ **Kiểm tra viết:** theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

RL
AI
A

+ **Kiểm tra trắc nghiệm:** Phương pháp này cũng tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn.

+ **Thuyết trình:** Phương pháp này cũng tương tự như phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình.

+ **Thực hành:** Đánh giá khả năng thực hành kỹ năng chuyên môn.

+ **Báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp:** Báo cáo thực tập tốt nghiệp, chuyên đề hay khóa luận tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

7.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubric)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, Khoa Kinh tế - Quản trị đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể thực hiện việc đánh giá người học theo các Rubric. Tuy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng học phần để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubric đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubric đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng phương pháp đánh giá, cụ thể như sau:

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, người học thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Đánh giá thi giữa kỳ: thuyết trình/thi giữa kỳ

Trong quá trình học sẽ có các chuyên đề được báo cáo, mỗi chuyên đề có khoảng 3 người học thực hiện. Người học báo cáo chuyên đề sẽ được tối đa 2 điểm công vào điểm giữa kỳ. Điểm giữa kỳ tối đa là 10 điểm.

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Nội dung	30	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.
Hình thức, báo cáo	20	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung
Trả lời câu hỏi	30	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời được 70% câu hỏi.	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi	Không trả lời được câu nào
Làm việc nhóm	20	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.

- Thi cuối kỳ: câu hỏi tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận

+ Dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

+ Dạng câu hỏi trắc nghiệm

Dạng câu hỏi trắc nghiệm	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Từ 4 -dưới 5	Dưới 4
Câu hỏi trắc nghiệm	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế và giải thích các khả năng xảy ra. Có sự lựa chọn đúng từ 80% số câu hỏi trở lên.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống thực tế, giải thích các khả năng xảy ra. Có sự lựa chọn đúng từ 50% đến dưới 80%	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học. nhận diện được các vấn đề, tình huống có khả năng xảy ra. Có sự lựa chọn đúng từ 40% đến dưới 50%	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học. nhận diện được các vấn đề, tình huống có khả năng xảy ra. Có sự lựa chọn đúng dưới 40% số câu hỏi.

+ Tiểu luận

Nội dung tiểu luận	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Tiểu luận	Viết tiểu luận: Hiểu được Phương pháp, quy trình viết tiểu luận. Đặt vấn đề, mục tiêu Nghiên cứu, phương pháp Nghiên cứu, đối tượng- phạm vi Nghiên cứu, bố cục. Cơ sở lý thuyết Tổng quan Nghiên cứu Thực trạng – giải pháp Kết luận – kiến nghị Có khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng	Viết tiểu luận: Hiểu được Phương pháp, quy trình viết tiểu luận. Đặt vấn đề, mục tiêu Nghiên cứu, phương pháp Nghiên cứu, đối tượng- phạm vi Nghiên cứu, bố cục. Nội dung có kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo.	Viết tiểu luận: Nội dung bài tiểu luận rời rạc, Không theo Form của trường. Không trả lời/giải thích, không có nội dung, không thể hiện kiến thức; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo.

Nội dung tiểu luận	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
sáng tạo trong bài tiểu luận			

- Đánh giá thực hành

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng		
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		Từ 10-7	Từ dưới 7-5	
Hiện diện	10	Đi học đúng giờ, đầy đủ,	Đi học trễ (<2 buổi), không đầy đủ (vắng 1 buổi)	Vắng >1 buổi thực hành; Đi trễ >2 buổi.
Thái độ học tập	10	Thực hiện đủ nội dung, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi.	Thực hiện đủ nội dung, ít trả lời câu hỏi trong buổi thực hành	Không thực hiện đủ nội dung.
Làm việc nhóm	10	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng	Thể hiện cộng tác trong nhóm không tốt	Không cộng tác thực hiện

- Báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp

+ Điểm thực hiện đề cương (10%)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Lựa chọn lĩnh vực, tên và nội dung báo cáo	70	Hiểu rõ, có tư duy và các giải pháp cho lĩnh vực, tên và nội dung báo cáo	Hiểu rõ lĩnh vực, tên và nội dung báo cáo	Không hiểu rõ lĩnh vực, tên và nội dung báo cáo	Không có khả năng hiểu lĩnh vực, tên và nội dung báo cáo
Hoàn thành đúng hạn	30	Trước 1 tuần sau khi phân công	Đúng 1 tuần sau khi phân công	Trễ hơn 1 tuần nhưng trước 2 tuần sau phân công	Sau 2 tuần

+ Điểm chuyên cần tại cơ sở thực tập (20%)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		10-7	7-5	5-4	0đ
Hiện diện tại đơn vị thực tập	30	Hiện diện >90% thời gian	Hiện diện <90%> 70% thời gian	Hiện diện <70%> 40% thời gian	Hiện diện ≤40%
Thực hiện, theo dõi, ghi nhận kết quả thực tập	70	Thực hiện đầy đủ, theo dõi sát, ghi chép rõ ràng, chính xác.	Thực hiện đầy đủ, theo dõi sát, ghi chép chưa đạt yêu cầu.	Thực hiện đầy đủ nhưng theo dõi và ghi chép chưa đạt yêu cầu.	Không thực hiện đủ và thiếu ghi chép.

+ Điểm hoàn thành Báo cáo (20%)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		10-7	7-5	5-4	0đ
Tổng hợp và xử lý kết quả	30	Biết tổng hợp và biết cách xử lý số liệu, hiểu kết quả thống kê.	Biết tổng hợp biết cách xử lý số liệu nhưng không hiểu rõ kết quả thống kê.	Biết tổng hợp nhưng không biết cách xử lý số liệu, không hiểu kết quả thống kê	Số liệu không rõ ràng, không đầy đủ.
Khả năng viết và trình bày	20	Viết và trình bày rõ ràng, logic. Chính sửa 1 lần.	Viết và trình bày rõ ràng, chưa logic. Chính sửa 2 lần.	Viết và trình bày không rõ ràng, không logic. Chính sửa 3 lần.	Không có khả năng viết và trình bày kết quả Chính sửa >3 lần.
Đánh giá về kiến thức	40	Có kiến thức tốt khi đánh giá kết quả, thảo luận có cơ sở, đưa ra nhận xét và đề nghị hợp lý	Có kiến thức tốt khi đánh giá kết quả, ít thảo luận, nhận xét và đề nghị chưa hợp lý	Thiếu kiến thức khi đánh giá kết quả, không thảo luận, nhận xét và đề nghị chưa hợp lý	Kiến thức sai và nhận xét kết quả không đúng.
Hoàn thành đúng hạn	10	Nộp đúng hạn	Nộp trong thời gian gia hạn	Nộp sau thời gian gia hạn	Không nộp

+ Điểm chấm phản biện Báo cáo (50%)

Tiêu chí	Tỷ lệ %	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận	
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4	
Hình thức Báo cáo	20	Trình bày đúng format của khoa, cân đối giữa các phần, không có lỗi chính tả, có hình ảnh minh họa rõ ràng, chính xác.	Trình bày theo format nhưng không cân đối giữa các phần hoặc có khá nhiều lỗi chính tả, không có hình ảnh minh họa.	Trình bày không hoàn toàn đúng với format báo cáo, nhiều lỗi chính tả, không có hình ảnh minh họa.	Trình bày sai hoàn toàn với format Báo cáo, không đủ số trang qui định, quá nhiều lỗi chính tả, không đủ các phần của một báo cáo.	
Nội dung báo cáo	30	Đạt yêu cầu của một báo cáo trình độ đại học, chính xác về mặt khoa học cao	Đạt yêu cầu của một báo cáo trình độ đại học, chính xác về mặt khoa học ở cấp độ chấp nhận được	Đạt yêu cầu của một báo cáo trình độ đại học, nhưng độ chính xác về mặt khoa học không cao	Không đạt yêu cầu của một báo cáo trình độ đại học, không chính xác về mặt khoa học	
Kết quả đạt được	30	Kết quả thu thập chính xác, đáng tin cậy, xử lý thống kê đúng, có giá trị cao về mặt khoa học.	Kết quả thu thập chính xác, đáng tin cậy, xử lý thống kê đúng, nhưng không có giá trị cao về mặt khoa học.	Kết quả thu thập có độ chính xác không cao nhưng xử lý thống kê đúng, không có nhiều ý nghĩa về mặt khoa học.	Kết quả thu thập hoàn toàn không chính xác, không đáng tin cậy, xử lý thống kê sai, không có ý nghĩa về mặt khoa học.	
Hạn chế của báo cáo	20	Chỉ chỉnh sửa vài lỗi chính tả, lỗi đánh máy.	Số liệu trình bày không rõ ràng và thiếu chính xác. Một vài kiến thức không đúng nhưng không sai kiến thức nền tảng.	Số liệu sai, làm ảnh hưởng đến nội dung báo cáo, sai kiến thức nền tảng.	Sửa toàn bộ báo cáo, cả mặt hình thức lẫn nội dung.	

VIII. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

1. Triết học Mác Lênin

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin, vận dụng kiến thức triết học Mác-Lênin để rèn luyện tư duy biện chứng, sáng tạo, biết vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học của triết học Mác-Lênin để phân tích và giải quyết vấn đề. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. Phép biện chứng duy vật. Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. Kinh tế chính trị Mác Lênin

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các lợi ích kinh tế tại Việt Nam. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Cung cấp các khái niệm căn bản về chủ nghĩa xã hội khoa học, vị trí của chủ nghĩa xã hội khoa học, đối tượng nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học, phương pháp nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học, chức năng nhiệm vụ chủ nghĩa xã hội khoa học, ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Điều kiện lịch sử - xã hội, nguồn gốc hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức. Tư tưởng HCM về văn hóa và xây dựng con người mới. Mấy vấn đề vận dụng và phát triển tư tưởng HCM trong công cuộc đổi mới đất nước.

5. Lịch sử Đảng CSVN

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Cung cấp cho người học kiến thức lịch sử về sự lãnh đạo của Đảng cộng sản VN qua các thời kỳ, những thành tựu và những hạn chế của Đảng từ 1930 đến nay. Dự báo những thời cơ, thách thức của quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới hiện nay. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, Đảng lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc (1930 -1945), lãnh

đạo giải phóng dân tộc (1945- 1975), cách mạng XHCN (1954-1986), lãnh đạo đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế (1986 -nay).

6. Pháp luật đại cương

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật.

Vấn đề chung, đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nội dung về hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến Pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Tố tụng dân sự, Luật Hình sự, Tố tụng hình sự, Luật đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, Luật sở hữu Trí tuệ,...

7. Giáo dục thể chất

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Kỹ thuật chạy cự ly ngắn. Kỹ thuật chạy cự ly trung bình. Bài thể dục liên hoàn tay không. Bài thể dục liên hoàn với gậy Kỹ thuật trong bóng bàn. Chiến thuật thi đấu trong bóng bàn. Phương pháp trọng tài trong bóng bàn. Kỹ thuật trong Bóng Chuyền. Chiến thuật thi đấu trong bóng chuyền. Phương pháp trọng tài trong Bóng Chuyền. Kỹ thuật đập bóng.

8. Giáo dục quốc phòng

Thời lượng: 8 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Nội dung ban hành tại quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/5/2000 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT

9. Tiếng Anh 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng cần thiết nhằm thực hành giao tiếp thông thường cũng như bước đầu giao tiếp trong công việc chuyên ngành và kinh doanh. người học sau khi kết thúc học phần sẽ đạt được trình độ A2.1 hoặc tương đương IELTS 3.0 hoặc 250 TOEIC.

Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

10. Tiếng Anh 2

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung: Nội dung: Trang bị cho sinh viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). Sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Sinh viên có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ. Người học sau khi kết thúc học phần sẽ đạt được trình độ A2.2 hoặc tương đương IELTS 3.0-4.0 hoặc 335 TOEIC.

11. Tiếng Anh 3

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng cần thiết nhằm thực hành giao tiếp thông thường cũng như bước đầu giao tiếp trong công việc chuyên ngành và kinh doanh. Sinh viên có thể xử lý một số các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ Anh. Người học sau khi kết thúc học phần sẽ đạt được trình độ B1.1 hoặc tương đương IELTS 4.0-<4.5 hoặc 360 TOEIC.

12. Tiếng Anh 4

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung: Trang bị, mở rộng cho sinh viên những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng cần thiết nhằm thực hành giao tiếp thông thường cũng như giao tiếp trong các lĩnh vực chuyên ngành và kinh doanh. Sinh viên có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ Anh. Người học sau khi kết thúc học phần sẽ đạt được trình độ B1.2 hoặc tương đương IELTS 4.5-<5.0 hoặc 450 TOEIC.

13. Tiếng Anh 5

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung: Nâng cao cho sinh viên những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng nâng cao nhằm thực hành tốt việc giao tiếp trong đời sống hằng ngày cũng như giao tiếp trong mọi lĩnh vực chuyên ngành và kinh doanh. Sinh viên có thể xử lý tốt hầu hết các tình huống xảy ra liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ Anh. Người học sau khi kết thúc học phần sẽ đạt được trình độ B1+ hoặc tương đương IELTS 5.0-5.5 hoặc 450-560 TOEIC.

14. Khoa học máy tính và chuyển đổi số

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Cách mạng công nghiệp 4.0, với tác động mạnh mẽ của CNTT đang tạo ra bước nhảy vọt trong mọi lĩnh vực và mọi ngành nghề. Học phần Khoa học máy tính và chuyển đổi số trang bị cho người học kiến thức, công cụ, kỹ năng Công Nghệ Thông Tin; cũng như tìm hiểu các phát minh về sự phát triển nhảy vọt trong các lĩnh vực như: internet vạn vật (IOT), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), tương tác thực tế ảo tăng cường (AR), mạng xã

hội (Social network), phân tích dữ liệu lớn (Big data) và điện toán đám mây (cloud computing); từ đó thực hành thế giới số nhằm thích ứng với thay đổi trong tương lai.

15. Toán cao cấp

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về toán cao cấp và ứng dụng toán cao cấp vào giải quyết các bài toán kinh tế và kinh doanh. Nắm vững một số khái niệm, định nghĩa hàm số, tính chất hàm số, các phép tính về giới hạn, đạo hàm, tích phân vi phân, nguyên hàm, chuỗi số, chuỗi hàm và những bài toán ứng dụng trong kinh doanh, vận dụng vào thực tế.

16. Kinh tế vi mô

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Trang bị cho người học các khái niệm cơ bản và các nguyên lý chung của kinh tế vi mô. Giúp người học hiểu được quy luật cung cầu và giá cả thị trường. Giúp người học hiểu được nguyên tắc sản xuất và điều phối sản xuất hợp lý nhằm tối đa hoá lợi nhuận hoặc tối thiểu hoá lỗ. Nắm được những đặc điểm của từng loại thị trường. Trang bị cho người học một kiến thức nền tảng làm tiền đề cho việc phân tích thị trường phân tích chính sách ở tầm vĩ mô.

17. Kinh tế vĩ mô

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm các cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

18. Kỹ năng mềm

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Kỹ năng học đại học: Cung cấp cho người học những tri thức khái quát về các lý thuyết học tập, hiểu được bản chất của việc học, những năng lực học tập bậc cao phù hợp với bậc Đại học. Người học sẽ được học về những kỹ năng cần thiết để có thể tự chủ trong học tập như phương pháp tra tìm thông tin, nghe giảng và ghi chép trong lớp, kỹ năng đọc và phản hồi thông tin. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp những kiến thức có ích khác cho cuộc sống người học như lập kế hoạch cho sự tiến bộ của bản thân nhằm giúp người học thích nghi tốt nhất với môi trường học tập ở bậc Đại học và hướng tới tinh thần học tập suốt đời.

Kỹ năng giao tiếp: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao

tiếp, thấu hiểu bản thân và nhận diện được đối tượng giao tiếp để có cách giao tiếp phù hợp. Người học sẽ được học về những kỹ năng cơ bản liên quan đến giao tiếp như kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ; kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ; kỹ năng lắng nghe, đặt câu hỏi và phản hồi.

Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình: Cung cấp cho người học kiến thức về cách xây dựng một bài thuyết trình hiệu quả, ý thức về nhóm và vai trò của mình trong nhóm. Người học cũng được thực hành các kỹ năng liên quan đến thuyết trình và làm việc nhóm, những phương pháp hỗ trợ làm việc nhóm hiệu quả.

Kỹ năng nghề nghiệp: Giúp người học tìm hiểu bản thân và hoạch định mục tiêu cuộc đời, mục tiêu nghề nghiệp của mình. Đồng thời trang bị cho người học những kỹ năng tìm việc, viết CV và thư xin việc, kỹ năng trả lời phỏng vấn.

19. Quản trị học

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần này trang bị kiến thức căn bản quản trị, giới thiệu các khái niệm trong khoa học quản trị để người học có kiến thức nền từ đó học tiếp môn Quản trị Chiến lược, Quản trị marketing... là nền tảng cho việc tích lũy các học phần chuyên sâu của marketing triển khai các môn về chiến lược, Quản trị kinh doanh Quốc tế. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cốt yếu nhất về quản trị và tầm quan trọng của hoạt động quản trị mà người học cần phải có. Trên cơ sở nền tảng của quản trị học, người học sẽ học các học phần như: Quản trị nhân lực, Quản trị marketing, Quản trị dự án, Quản trị chiến lược, và rất nhiều các học phần ngành và chuyên ngành khác. Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.

20. Nguyên lý kế toán

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán, khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu của kế toán, các phương pháp kế toán, hình thức kế toán, tổ chức bộ máy kế toán. Đây là nền tảng để người học bước vào học các môn kế toán, quản trị kinh doanh chuyên sâu và thực hành trong thực tiễn. Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, nền tảng về kế toán, tạo tiền đề cho việc học chuyên sâu kế toán, quản trị, kinh doanh và thực hành trong thực tiễn.

21. Nguyên lý tài chính

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần này giúp người học có khả năng hiểu được các thông tin cơ bản về tài chính – tiền tệ; mô tả và giải thích được cơ chế vận hành của hệ thống tài chính và thị trường tài chính, sự luân chuyển các nguồn tài chính trong hệ thống tài chính; phân tích được mối quan hệ giữa tiền tệ, tín dụng, lãi suất và thị trường tài chính. Vận dụng những kiến thức học được từ học phần này, người học có thể: (i) lý giải các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực

tài chính - tiền; (ii) làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong những học phần khác.

22. Marketing căn bản

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Kiến thức căn bản về Marketing, nguyên lý Marketing. Nghiên cứu marketing, môi trường Marketing Doanh nghiệp và thị trường, tổ chức, phân tích, khai thác hệ thống thông tin thị trường. Nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng. Nguyên tắc ứng xử của doanh nghiệp với thị trường. Chiến lược thị trường, chính sách Marketing, tổ chức hoạt động Marketing tại doanh nghiệp.

23. Tin học ứng dụng trong quản lý

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Mục tiêu của học phần: Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng thao tác cơ bản của Ms Access, các thao tác với file cơ sở dữ liệu, các đối tượng trong cơ sở dữ liệu Access; cách tạo bảng, hiệu chỉnh bảng, cách tạo Query bằng design view, cách tạo form, tạo báo cáo và định dạng báo cáo, ứng dụng tin học để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý.

24. Thương mại điện tử

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh; xác định các cơ hội của thương mại điện tử trong nước và quốc tế, cung cấp kiến thức cơ bản về cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, kiến thức về bán hàng trên website, kiến thức về công nghệ thương mại điện tử, an toàn thương mại điện tử, hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử.

25. Lý thuyết xác suất thống kê

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần Lý thuyết xác suất thống kê là môn học nghiên cứu các hiện tượng ngẫu nhiên và xử lý số liệu kinh tế - xã hội trong điều kiện bất định, tức là thông tin không đầy đủ. Môn học có 2 phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng gắn rất chặt về nội dung. Phần Lý thuyết xác suất nhằm phát hiện và nghiên cứu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Các kiến thức về Lý thuyết xác suất là cơ sở trực tiếp cho phần thống kê toán, đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức phục vụ cho các môn học khác. Phần Thống kê toán vận dụng vào việc đưa các bài toán thực tế về những dạng bài toán đã học và giải quyết chúng... Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự nghiên cứu.

26. Văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần trang bị những kỹ năng cơ bản và cần thiết về văn hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Các cấp độ văn hóa doanh nghiệp; Các yếu tố ảnh hưởng văn hóa doanh nghiệp; Nhân tố nào quan trọng nhất đối với doanh nghiệp mình và biết cách ứng xử có văn hóa và đạo đức với vai trò là người lãnh đạo doanh nghiệp hay nhân viên có thể thích nghi tốt với môi trường văn hóa của công ty mình cũng như thích nghi với môi trường văn hóa kinh doanh quốc tế và hơn hết biết cách xây dựng văn hóa doanh nghiệp mình nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập.

Sinh viên được trang bị những kiến thức chung về văn hóa, văn hóa Việt Nam, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, văn hóa kinh doanh và văn hóa đạo đức trong kinh doanh, Các mô hình và các giai đoạn hình thành văn hóa doanh nghiệp; Xem xét vai trò của văn hóa doanh nghiệp trong sự phát triển bền vững và tạo lập "bản sắc" văn hóa cho doanh nghiệp.

27. Thị trường chứng khoán

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính nói chung, kiến thức và kỹ năng cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán: nguyên tắc hoạt động, phát hành chứng khoán, cơ chế giao dịch, các nghiệp vụ của công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, những nguyên tắc công bố thông tin và thanh tra giám sát thị trường chứng khoán.

28. Nghệ thuật lãnh đạo

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo. Trên cơ sở đó đi vào phân tích: Bản chất của lãnh đạo, phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, việc sử dụng quyền lực của nhà lãnh đạo sao cho có hiệu quả nhất, sự phù hợp giữa phong cách của nhà lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể, phát huy năng lực tập thể, khảo sát, đánh giá hiệu quả lãnh đạo theo phương pháp khoa học, nhằm đánh giá năng lực lãnh đạo, phân biệt được mặt mạnh, yếu của người lãnh đạo và phân rõ trách nhiệm lãnh đạo.

29. Chiến lược kinh doanh

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần chiến lược kinh doanh là học phần bắt buộc trong phần kiến thức ngành bao gồm những kiến thức căn bản về chiến lược và sự vận dụng thực tiễn trong doanh nghiệp, trong kinh doanh, những khái niệm cơ bản về chiến lược kinh doanh, các loại hình chiến lược kinh doanh; Phân tích môi trường bên ngoài, bên trong doanh nghiệp; nguyên tắc, qui trình xây dựng chiến lược kinh doanh; lựa chọn chiến lược kinh doanh, ma trận SWOT, ma trận GREAT.

30. Quản trị doanh nghiệp thương mại

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Học sau môn Quản trị học

Nội dung quản trị doanh nghiệp thương mại cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về quản trị trong một doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp thương mại nói riêng, quản trị chi phí kinh doanh, quản trị nhân lực, quản trị các quá trình mua hàng, bán hàng, dự trữ hàng hóa, tồn kho ... bên cạnh đó giúp người học tăng cường kỹ năng quản trị, nâng cao khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.

31. Luật áp dụng trong thương mại

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Luật áp dụng trong thương mại là môn khoa học pháp lý chuyên ngành cho kinh doanh thương mại, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại, chủ thể kinh doanh, chế tài thương mại. Trong đó, quy định cụ thể về chủ thể Luật Thương mại như cá nhân, pháp nhân, cách thức thành lập doanh nghiệp, đặc điểm pháp lý của từng loại Doanh nghiệp cụ thể và cách thức chấm dứt hoạt động của Doanh nghiệp; tính bình đẳng của các loại hình Doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh thương mại.

Nội dung Luật áp dụng trong thương mại, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và tổng quát về luật thương mại, Luật doanh nghiệp, luật Cạnh tranh, Luật phá sản; các hoạt động kinh doanh, phá sản, giải quyết tranh chấp thương mại như: khái niệm ngành luật thương mại, Luật Doanh nghiệp, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật thương mại và Doanh nghiệp; điều kiện, trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã chủ thể trong Luật Doanh nghiệp, tổ chức doanh nghiệp.

32. Marketing thương mại

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần Marketing thương mại là một trong những học phần cốt lõi của ngành kinh doanh thương mại. Bắt nguồn từ sự hội nhập kinh tế toàn cầu và sự phát triển của công nghệ thông tin, học phần Marketing thương mại cung cấp cho sinh viên những kiến thức cốt lõi về marketing hiện đại, digital marketing... phục vụ cho hoạt động marketing trong kinh doanh thương mại, kể cả thương mại nội địa và thương mại quốc tế ...

33. Kinh doanh quốc tế

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Kinh doanh quốc tế là học phần nghiên cứu quá trình tổ chức và thực hiện các hoạt động giao dịch, kinh doanh được tiến hành giữa các doanh nghiệp của các quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu; học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế như: tổng quan về kinh doanh quốc tế, ảnh hưởng của môi trường đối với kinh doanh quốc tế, Chiến lược kinh doanh quốc tế, Marketing quốc tế, Nguồn nhân lực quốc tế, quản trị tài chính quốc tế.

Giúp sinh viên hiểu rõ sự vận động hệ thống kinh doanh quốc tế trong thời kỳ hiện đại; ngoài ra sinh viên hiểu được phương thức hoạt động của các công ty đa quốc gia (MNEs) trong môi trường quốc tế hóa và toàn cầu hóa như hiện nay, hoạch định triển khai chiến lược kinh doanh quốc tế của

công ty đa quốc gia, Công ty toàn cầu; sinh viên nắm được nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ năng vận dụng xây dựng chiến lược, nắm được các chức năng cụ thể của hoạt động kinh doanh quốc tế: chiến lược kinh doanh, marketing, nhân lực, tài chính quốc tế.

34. Thuế và ra quyết định tài chính

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuế, chính sách và pháp luật thuế, bản chất thuế, vai trò, tác dụng của thuế đối với nền kinh tế nói chung và đối với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng, ra quyết định, nguyên tắc ra quyết định, vận dụng ra quyết định vào lĩnh vực tài chính.

35. Tiếng Anh chuyên ngành thương mại

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần Anh văn chuyên ngành là môn chuyên môn của ngành nhằm cung cấp những kiến thức và những thuật ngữ cơ bản nhất về chuyên ngành. Nội dung của học phần sẽ đề cập đến những vấn đề thuật ngữ chuyên ngành, khái quát được nghiệp vụ chuyên ngành. Tiếng Anh chuyên ngành rất cần thiết, nhằm giúp sinh viên có khả năng đọc hiểu những tài liệu chuyên ngành liên quan, củng cố và mở rộng kiến thức về từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành.

36. Quản trị chiến lược

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần quản trị chiến lược là học phần ngành cơ sở của ngành quản trị kinh doanh; bao gồm những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn trong doanh nghiệp của nó như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược, các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược, mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp với mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược; tổ chức thực thi chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.

37. Thương thuyết và đàm phán

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần này nhằm trang bị những kiến thức lý luận, phương pháp luận và các kỹ năng thực hành cơ bản về thương thuyết và đàm phán kinh doanh. Những tình huống thực tiễn, những bài học kinh nghiệm được tổng kết sẽ đem lại những tri thức thực tiễn cho người học. Học phần còn cung cấp kiến thức liên quan đến thương thuyết và đàm phán trong quản lý. Các lý thuyết mới trong thương thuyết và đàm phán, mô hình, kỹ thuật và chiến lược trong thương thuyết và đàm phán cho các nhà quản lý sẽ được cung cấp cho sinh viên.

38. Tâm lý khách hàng

Thời lượng: 3 tín chỉ



Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần này cung cấp các lý thuyết, khái niệm cũng như những kiến thức cơ bản về tâm lý khách hàng, tâm lý trong kinh doanh đặc biệt đối với ngành kinh doanh thương mại, nắm bắt và vận dụng các phương pháp tâm lý để hiểu biết tâm lý xã hội, tâm lý khách hàng, kỹ năng giao tiếp và nắm bắt tâm lý khách hàng, tạo thiện cảm và lòng tin với khách hàng trong kinh doanh.

39. Thống kê ứng dụng trong kinh doanh

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần này cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về thống kê học, nhằm giúp người học hiểu về kiến thức thống kê áp dụng vào thực tiễn. Người học được giới thiệu cơ bản về các phương pháp thống kê căn bản trong thu thập và phân tích dữ liệu, làm cơ sở cho việc ra quyết định trong quản lý. Ngoài ra, học phần giới thiệu phần mềm SPSS để hỗ trợ cho người học tham gia NCKH và hỗ trợ công tác thực tiễn.

40. Quản trị quan hệ khách hàng

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần này nghiên cứu một cách tổng thể các khía cạnh của quản trị quan hệ khách hàng (CRM), bao gồm chiến lược chăm sóc khách hàng, bán hàng và công nghệ thông tin; qua đó, giúp người học hình dung quy trình thực hiện CRM trong doanh nghiệp và có thể ứng dụng được thông qua việc phân tích các tình huống.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành định hướng thực hành và phân tích, ứng dụng. Trang bị cho sinh viên về các nghiệp vụ quản trị logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế như: bảo hiểm trong ngoại thương, thủ tục hải quan và an ninh logistics quốc tế. Theo xu thế toàn cầu hóa hiện nay nhu cầu về tinh gọn và tính hiệu quả trong chuỗi cung ứng quốc tế, môn học nhấn mạnh vai trò logistics và chuỗi cung ứng quốc tế tạo lợi thế cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh quốc tế mà đặc biệt là Logistics.

41. Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, vận chuyển hàng hóa và khảo sát nhu cầu thị trường và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu;

Học phần này sẽ có nền tảng kiến thức cơ bản để phát triển nhận quan Logistics và quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu; mặt khác, các sinh viên sẽ được trang bị các phương pháp, kỹ năng cần thiết phục vụ cho học phần.

42. Phân tích hoạt động kinh doanh

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Phân tích hoạt động kinh doanh là một môn học cung cấp kỹ năng cơ bản đối với



Thời lượng: 6 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Kiến thức chuyên sâu về các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng và phân tích rủi ro; Kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.

48. Môi trường kinh doanh toàn cầu

Thời lượng: 6 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận căn bản về môi trường kinh doanh toàn cầu, sự tăng cường áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn cầu được thể hiện thông qua các hiệp định môi trường đa biên và đặc biệt là bảo vệ môi trường trở thành yêu cầu mang tính bắt buộc đối với các hiệp định thương mại tự do song và đa phương. Bên cạnh đó cũng luận giải đầy đủ về các nguyên tắc, bản chất hình thành và các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng các rào cản kỹ thuật môi trường trong thương mại quốc tế từ đó giúp cho người học không chỉ nhận biết được mà còn đánh giá được ảnh hưởng cũng như có cơ sở khoa học đưa ra các biện pháp nhằm vượt qua các rào cản khi tham gia trực tiếp vào các hoạt động thương mại quốc tế. Học phần cũng đồng thời cung cấp cho người học những nội dung cơ bản nhất về vấn đề quản lý nhà nước về môi trường trong hoạt động thương mại, một số hàng rào kỹ thuật môi trường với một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam phải đối mặt và một số hệ thống quản lý môi trường hiệu quả đối với doanh nghiệp khi tham gia hoạt động thương mại quốc tế.

49. Thực tập tốt nghiệp

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần này giúp người học tham gia vào hoạt động thực tế của ngành, chuyên ngành nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp, phát triển các mối quan quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai. Vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc quan sát, mô tả hoạt động của đơn vị thực tập. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả làm việc của mình dưới hình thức một bản Báo cáo thực tập tốt nghiệp.

50. Khóa luận tốt nghiệp

Thời lượng: 6 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo.

những việc nhận định, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp một cách tổng quát, cụ thể từng hoạt động, đối tượng phát sinh trong quá trình kinh doanh, phân tích kết quả kinh doanh và mối quan hệ giữa các nhân tố tác động đến kết quả kinh doanh. Học phần này cũng trang bị cho người học khả năng đọc và hiểu các báo cáo hoạt động kinh doanh, cơ sở lập và các mối quan hệ giữa các báo cáo.

43. Khởi nghiệp

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần Khởi sự kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: Tháo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

44. Học kỳ DN 1

Thời lượng: 6 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học kỳ doanh nghiệp 1 là một giai đoạn tiếp cận doanh nghiệp để tìm hiểu và học hỏi những kiến thức và kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình. Giai đoạn này sẽ tạo điều kiện tối đa cho người học tiếp xúc và học hỏi những tác phong, quy trình làm việc chuyên nghiệp từ các hệ thống quản lý doanh nghiệp lớn nhất. Qua đó, kinh nghiệm thực tiễn tại các vị trí và trải nghiệm nghề nghiệp của người học sẽ được nâng cao, mở rộng hơn những cơ hội phát triển trong tương lai.

45. Xúc tiến thương mại và đầu tư quốc tế

Thời lượng: 6 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và khả năng để hiểu môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội toàn cầu mà các công ty hoạt động; xem xét các chiến lược và cấu trúc của kinh doanh quốc tế và đánh giá các vai trò đặc biệt của các chức năng khác nhau của kinh doanh quốc tế. Đồng thời cũng chuẩn bị cho sinh viên hình thành và thực hiện các chiến lược, kế hoạch và chiến thuật để thành công trong các dự án kinh doanh quốc tế.

46. Quản trị thương hiệu

Thời lượng: 6 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Môn học gồm 5 chương sẽ giới thiệu khái quát kiến thức tổng quan về thương hiệu và công tác quản trị thương hiệu. Sinh viên sẽ được tìm hiểu các nội dung trong hoạt động xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ, phát triển và khai thác thương hiệu. Dựa trên kiến thức đã được trang bị, sinh viên sẽ ứng dụng vào thực tế nhằm phân tích và đề xuất chiến lược quản trị thương hiệu cho một thương hiệu cụ thể trên thị trường.

47. Quản trị rủi ro

1/ 5 3 4 7 9 11

Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một khóa luận tốt nghiệp, đầy đủ nội dung, bố cục theo quy định của trường.

51. Quản trị bán hàng

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần Quản trị bán hàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh, bao gồm các nội dung Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Kỹ năng bán hàng và Quản lý chế độ khách hàng lớn; Lập kế hoạch bán hàng; Quản trị đội ngũ bán hàng; Tổ chức điểm bán hàng; Kiểm soát bán hàng; Chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.

52. Giao tiếp trong kinh doanh thương mại

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Học phần này cung cấp các lý thuyết, khái niệm cũng như những kiến thức cơ bản về giao tiếp trong kinh doanh đặc biệt đối với ngành kinh doanh thương mại, phép lịch sự xã giao (cách chào hỏi, bắt tay, giới thiệu, cách nói chuyện, làm khách và tiếp khách, sử dụng danh thiếp, sử dụng điện thoại, khiêu vũ, tạo thiện cảm với đối tác). Nội dung và hình thức giao tiếp; bản chất xã hội và hiệu quả của giao tiếp; các đặc điểm giao tiếp xã hội và giao tiếp trong kinh doanh; những nguyên tắc và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp phục vụ cho công việc kinh doanh nói chung và kinh doanh thương mại nói riêng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2024

TRƯỜNG KHOA

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS NGUYỄN VĂN HIẾN

Handwritten signature

TS. Phạm Châu Thành

